

Số: 1963 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động

Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 966
	Ngày: 11/9
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1962 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và CV: NN, TC, TH;
- Lưu: VT, NV. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

QUY CHẾ

**Tổ chức, quản lý và hoạt động của Quỹ phòng,
chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1963/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh)

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai (Nghị định số 94/2014/NĐ-CP).

Điều 2. Tên gọi và vị trí pháp lý của Quỹ

1. Tên gọi: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế.

a) Tên giao dịch quốc tế: Thua Thien Hue Disaster Prevention Fund.

b) Tên giao dịch quốc tế viết tắt là: HueDPF.

2. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế (gọi tắt là Quỹ) là Quỹ tài chính nhà nước hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh theo quy định pháp luật.

3. Cơ quan quản lý Quỹ đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả.

2. Quỹ hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Chức năng:

a) Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang hoạt

động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại tỉnh Thừa Thiên Huế; các khoản tài trợ đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

b) Cấp phát kinh phí từ Quỹ chi cho các hoạt động phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo Kế hoạch thu Quỹ hàng năm đối với từng cơ quan, đơn vị, huyện, thị xã, thành phố Huế trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Tổng hợp các trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ hàng năm. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ do ảnh hưởng thiệt hại thiên tai đột xuất gây ra thực hiện theo quy định hiện hành;

c) Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ năm trước, lập kế hoạch thu, nộp, sử dụng Quỹ năm sau thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh và Sở Tài chính để tổ chức thẩm tra, phê duyệt và quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành. Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả quản lý, thu, nộp, sử dụng Quỹ cho Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính;

đ) Công khai kết quả thu Quỹ, danh sách, đối tượng và mức thu Quỹ đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, từng huyện, thị xã và thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện; báo cáo quyết toán thu, chi, nội dung chi theo từng lĩnh vực, từng địa bàn huyện, thị xã và thành phố Huế theo hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở Quỹ (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng góp Quỹ; đăng trên trang website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế;

e) Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán Quỹ, công khai thu, chi Quỹ theo quy định;

g) Cung cấp đầy đủ thông tin về Quỹ cho các cơ quan chức năng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Hội liên quan để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BỘ MÁY QUỸ

Điều 5. Tổ chức bộ máy của Quỹ

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ gồm có Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 6. Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng Quản lý Quỹ gồm có: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ và các Ủy viên:

a) Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ là 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là 01 lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm Giám đốc Quỹ; các Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ là đại diện lãnh đạo các đơn vị liên quan, gồm các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và xã hội; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Kho Bạc nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ không quá 05 năm: trong quá trình hoạt động nếu có thay đổi thành viên, Hội đồng Quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn theo quy định;

c) Hội đồng Quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên của Hội đồng Quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ quản lý Quỹ: Tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng Quỹ có hiệu quả;

b) Công tác thu, chi, quyết toán, báo cáo công khai Quỹ.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng Quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn;

d) Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;

đ) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật;

e) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng không trái với quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ:

a) Thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định;

c) Thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ;

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ;

d) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng Quản lý Quỹ:

a) Hội đồng Quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 6 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng Quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng Quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ chấp thuận;

b) Các cuộc họp của Hội đồng Quản lý do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ chủ trì và có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số Ủy viên của Hội đồng Quản lý Quỹ tham dự. Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ phải thông báo lý do vắng mặt bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ được Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ ủy quyền chủ trì xử lý công việc. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể thực hiện bằng văn bản;

c) Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp;

d) Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số Ủy viên trong Hội đồng biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng Quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các Ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ và được gửi tất cả các Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ;

e) Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng ký thay;

g) Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng Quản lý Quỹ hay quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ.

Điều 7. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ gồm có 03 thành viên gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên:

a) Trưởng Ban kiểm soát Quỹ là Chánh thanh tra Sở Tài chính, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật;

b) Phó Trưởng ban và Ủy viên do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ theo quy định của pháp luật;

c) Ban kiểm soát Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát Quỹ không quá 05 năm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ:

a) Ban kiểm soát Quỹ có nhiệm vụ giám sát mọi hoạt động của Quỹ;

b) Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt;

c) Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng Quản lý Quỹ, trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm Quy chế hoặc vi phạm trong việc quản lý Quỹ;

d) Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng Quản lý Quỹ chấp thuận;

đ) Trưởng Ban kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua những hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc Quỹ, 01 Phó Giám đốc Quỹ, 01 Kế toán Quỹ và bộ phận nghiệp vụ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

a) Giám đốc Quỹ là 01 lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo nhiệm kỳ 05 năm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ;

b) Phó Giám đốc và Kế toán Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo nhiệm kỳ 05 năm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

c) Việc thành lập và quy định vị chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bộ phận nghiệp vụ của Cơ quan điều hành Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

2. Nghĩa vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tổ tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm: xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng Quản lý Quỹ thông qua;

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ và các quy định khác có liên quan;

d) Căn cứ các Quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành, ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ;

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng Quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng Quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với các quy định của pháp luật.

3. Phó Giám đốc Quỹ:

a) Chỉ huy trưởng Chi cục Thủy lợi là Phó Giám đốc Quỹ;

b) Phó Giám đốc Quỹ là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Quỹ vắng mặt, Phó Giám đốc được Giám đốc Quỹ ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Quỹ.

4. Kế toán của Quỹ:

Kế toán của Quỹ là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về phần việc được giao.

5. Bộ phận nghiệp vụ:

Bố trí các chuyên viên thuộc biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các hợp đồng lao động tại Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy

Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tình thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo chế độ kiêm nhiệm.

6. Nhiệm vụ của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

a) Vận động, tiếp nhận, quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp từ thiện, ủy thác của tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài cho công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai;

b) Quản lý, tổng hợp kế hoạch thu, nộp Quỹ hàng năm của các đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Xuất Quỹ sau khi có quyết định phê duyệt mức chi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện, thị xã, thành phố: quyết toán thu, chi hàng năm với cơ quan tài chính nhà nước có thẩm quyền;

đ) Lập, tổng hợp và gửi báo cáo quyết toán năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 9. Kinh phí hoạt động Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ: Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ĐÓNG GÓP

Điều 10. Đối tượng và mức đóng góp

1. Các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập:

Mức đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp Nhà nước đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp;

b) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng;

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, đóng 15.000 đồng/người/năm.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.

Điều 11. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

1. Đối tượng được miễn đóng góp:

a) Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh;

b) Cha dè, mẹ dè, vợ hoặc chồng của liệt sỹ;

c) Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung dài hạn tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, Dạy nghề;

d) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 06 tháng trong 01 năm trở lên;

g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc gia đình ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn;

h) Hợp tác xã không có nguồn thu;

i) Tổ chức kinh tế hạch toán độc lập trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị; phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày trở lên.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

Tổ chức kinh tế hạch toán độc lập được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng được quy định tại Điều 11 Quy chế này.

2. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế trên địa bàn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền góp của năm sau.

Điều 13. Quản lý thu, nộp Quỹ

1. Trong quý IV hàng năm, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, Ủy

ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thu Quỹ của cơ quan, đơn vị và địa phương; đồng thời tổng hợp, xây dựng kế hoạch thu Quỹ của tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để thông báo số thu, nộp Quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức Trung ương, lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ chỉ tiêu đóng góp Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; cán bộ, nhân viên hưởng lương trong lực lượng vũ trang và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp Nhà nước thuộc phạm vi quản lý chuyển vào tài khoản của Quỹ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu Quỹ từ các đối tượng thuộc địa bàn quản lý được quy định sau đó tổng hợp chuyển vào tài khoản của Quỹ.

4. Thủ trưởng tổ chức kinh tế hạch toán độc lập căn cứ chỉ tiêu đóng góp Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có trách nhiệm nộp Quỹ vào tài khoản của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi đơn vị đóng trụ sở.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp huyện, căn cứ chỉ tiêu đóng góp Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp Nhà nước thuộc phạm vi quản lý chuyển vào tài khoản của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn quản lý.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) căn cứ chỉ tiêu đóng góp Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức thu của các đối tượng trên địa bàn và chuyển vào tài khoản của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn quản lý. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu của Bộ Tài chính.

7. Thời hạn nộp Quỹ: Đối với cá nhân nộp một lần trước 30 tháng 5 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế hạch toán độc lập nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước 30 tháng 5, số còn lại nộp trước 30 tháng 10 hàng năm.

Điều 14. Nội dung chi của Quỹ

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai quy định tại Khoản 3, Điều 10, Luật phòng, chống thiên tai, bao gồm:

a) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai hoặc tu sửa khẩn cấp công trình phòng chống thiên tai có giá trị nhỏ hơn 01 tỷ đồng/01 công trình;

b) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế: thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo, báo động thiên tai tại cộng đồng;

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật, lập kế hoạch, phương án và diễn tập phòng, chống thiên tai cấp xã.

2. Hỗ trợ chi thù lao cho người trực tiếp đi thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp xã nhưng không vượt quá 5% số thu thực tế hằng năm trên địa bàn cấp xã.

3. Chi một số nội dung khác cho công tác ứng phó thiên tai theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Được điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương.

Điều 15. Thẩm quyền chi Quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan, đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Căn cứ vào số thu Quỹ thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xuất Quỹ hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh.

4. Quỹ được điều chuyển để hỗ trợ địa phương khác theo quy định tại Khoản 4, Điều 10, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP.

Điều 16. Quản lý tài chính Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trực tiếp điều hành, quản lý Quỹ theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc quản lý, sử dụng Quỹ thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Căn cứ quyết định hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ có nhiệm vụ quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành. Đồng thời báo cáo về cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ để theo dõi, tổng hợp và quyết toán kinh phí của Quỹ.

3. Số dư trên tài khoản của Quỹ hằng năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục theo dõi quản lý, sử dụng để hỗ trợ các hoạt động theo các nội dung quy định.

Điều 17. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. Năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ năm trước, gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hằng năm để thẩm tra, phê duyệt quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thu, chi Quỹ để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

Điều 18. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Quỹ

1. Quỹ phòng, chống thiên tai chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan Nhà nước theo quy định.

2. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan, ban ngành liên quan theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về Quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phân biện.

4. Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát các khoản chi từ nguồn thu của Quỹ tương tự như khoản chi từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Điều 19. Công khai nguồn thu, chi Quỹ

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu nộp.

2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn xã; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi. Hình thức công khai: Báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã.

3. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện, thị xã, thành phố; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn từng huyện, thị xã, thành phố. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Quỹ; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp Quỹ; công khai trên website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp và Thủ trưởng các các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan dự thảo quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ; quyết định thành lập Ban kiểm soát Quỹ; quyết

định thành lập cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

b) Cân đối trong tổng số biên chế và số người làm việc được giao, bố trí người làm việc kiêm nhiệm tại các tổ chức thuộc Quỹ; được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định;

c) Bố trí phòng làm việc của Quỹ, đảm bảo đầy đủ các phương tiện để Quỹ hoạt động có hiệu quả;

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với Quỹ; Phối hợp kiểm tra tình hình thực hiện thu, chi, quyết toán hằng năm của Quỹ và thực hiện thông báo quyết toán năm của Quỹ;

đ) Chỉ đạo cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ triển khai thực hiện hiệu quả công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ theo quy định của pháp luật. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 94/2014/NĐ-CP và Quy chế này trên sóng phát thanh và truyền hình tỉnh và các đài địa phương.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, hướng dẫn quản lý sử dụng Quỹ;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.

c) Thẩm tra, quyết toán thu, chi của Quỹ theo quy định;

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc thu, nộp, quản lý Quỹ tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 94/2014/NĐ-CP và Quy chế này tới các thôn, bản và người dân tại địa phương;

b) Thực hiện mở tài khoản Quỹ theo quyết định ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện thu, nộp Quỹ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ;

c) Lập kế hoạch thu, chi Quỹ hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch hàng năm.

5. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp chỉ tiêu thu Quỹ của tổ chức kinh tế hạch toán độc lập, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

b) Đơn đốc các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập, doanh nghiệp thực hiện nộp Quỹ theo quy định.

6. Kho bạc Nhà nước tỉnh có trách nhiệm:

Phối hợp thu Quỹ và thực hiện thanh toán, kiểm soát chi sử dụng Quỹ theo quy định về kiểm soát chi ngân sách nhà nước.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổng hợp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

